

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2022/HS-ST
Ngày 29-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền.

Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quản Thị Dung;
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;
Bà Bùi Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn T, sinh ngày 26/3/1994 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản N, thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Quàng Văn H1 và bà Lò Thị L; có vợ là Lò Thị T2 và 01 con (*sinh năm 2016*); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2021 cho đến nay. Có mặt.

2. Thào A T1, sinh ngày 01/01/1981 tại huyện N1, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản P, xã H2, huyện N1, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Thào A S và bà Vàng Thị M1; có vợ là Lò Thị M1 và 05 con (*con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2008*); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Lai Châu: Xử phạt 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 01/2013/HS-ST ngày 20/8/2013 (*chấp hành xong hình phạt ngày 21/9/2014*); xử phạt 01 (*một*) năm tù về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm (*thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2021*) tại bản án số

04/2021/HS-ST ngày 24/11/2021; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2021 cho đến nay. Có mặt.

3. Quàng Văn H, sinh ngày 02/10/1986 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản M2, xã H3, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Quàng Văn S1 (*đã chết*) và bà Cầm Thị N2; có vợ là Tòng Thị H4 và 03 con (*con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2012*); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/4/2021 cho đến nay. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn T**: Ông Phan Ngọc T3, Luật sư của Văn phòng Luật sư Phan T3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn H**: Ông Đàm Mạnh H5, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Thào A T1**: Bà Trần Bích L1, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**: Chị Tòng Thị H4, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản M2, xã H3, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Người phiên dịch**: Ông Hà Văn Q, sinh năm 2002. Địa chỉ: Nơi cư trú: T4, xã C, huyện M3, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 10 phút ngày 19/4/2021, Tổ công tác Công an huyện M phối hợp với các lực lượng chức năng làm nhiệm vụ tại khu vực bản M2, xã H3, huyện M, tỉnh Sơn La phát hiện Tòng Thị H4, sinh năm 1988, trú tại: Bản M2, xã H3, huyện M nhận một gói đồ từ xe khách biển kiểm soát 26B-005.89 tuyến T5, Lai Châu - M, Sơn La có biểu hiện liên quan đến ma túy. Qua kiểm tra bên trong gói đồ có các túi nilon nghi chứa ma túy nên Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Tòng Thị H4.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 hộp hình chữ nhật màu đỏ, bên trong có 05 túi nilon màu xanh chứa các viên nén màu hồng, nghi là hồng phiến và 03 gói nilon màu xanh bên trong mỗi gói có chứa cục bột màu trắng nghi là Heroine (*H4 khai nhận hộp đồ do chồng là Quàng Văn H gửi về nhờ nhận hộ để gửi cho người khác, H4 không biết bên trong hộp đồ có gì*).

Ngày 20/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Quàng Văn H. H khai nhận hộp đồ gửi về nhờ vợ là Tòng Thị H4 nhận hộ là ma túy gửi cho Quàng Văn T. H không nói cho H4 biết trong hộp đồ có chứa ma túy.

Hồi 08 giờ ngày 20/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M

thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh vật chứng, lấy mẫu giám định chất ma túy đối với số vật chứng thu giữ khi bắt giữ Tòng Thị H4, kết quả:

- Bên trong 05 túi nilon màu xanh có chứa 920 viên nén màu hồng, tổng khối lượng 95,39 gam, trích lấy trong mỗi túi 05 viên, tổng 25 viên khối lượng 2,59 gam ký hiệu từ HT1 đến HT5 để trưng cầu giám định ma túy.

- Bên trong 03 gói nilon màu xanh có chứa 03 cục bột màu trắng, tổng khối lượng 111,89 gam, trích lấy 1,45 gam ký hiệu từ H1 đến H3 để trưng cầu giám định ma túy.

Ngày 21/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Quàng Văn T. Quá trình bắt giữ đã thu giữ trong người Quàng Văn T 02 gói nilon bên trong mỗi gói đều có chứa chất bột màu trắng, T khai là Heroine và 02 điện thoại di động.

Hồi 14 giờ ngày 21/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M thành lập Hội đồng mở niêm phong, cân tịnh vật chứng, lấy mẫu giám định chất ma túy đối với số vật chứng thu giữ khi bắt giữ Quàng Văn T, kết quả: Bên trong 02 gói nilon có chứa 02 cục bột màu trắng, tổng khối lượng 8,05 gam, trích lấy 0,28 gam ký hiệu T1, T2 để trưng cầu giám định ma túy.

Kết luận giám định số 848 ngày 23/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“- Các mẫu gửi giám định ký hiệu từ HT1 đến HT5 đều là ma túy; Loại Methamphetamine; Tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 2,59 gam.

- Các mẫu gửi giám định ký hiệu từ H1 đến H3 đều là ma túy; Loại Heroine; Tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 1,46 gam.

- Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 95,39 gam; Loại Methamphetamine và 111,35 gam; Loại Heroine”.

Kết luận giám định số 849 ngày 23/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

“- Các mẫu gửi giám định ký hiệu T1, T2 đều là ma túy; Loại Heroine; khối lượng của mẫu gửi giám định là T1 = 0,19 gam; T2 = 0,09 gam.

- Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 8,05 gam; Loại Heroine”.

Quá trình điều tra, Quàng Văn H, Quàng Văn T và Thào A T1 khai nhận:

Do quen biết nhau từ trước, khoảng 15 giờ ngày 17/4/2021, Quàng Văn T gọi điện thoại cho Quàng Văn H (H đang lái máy xúc thuê tại huyện N1, tỉnh Lai Châu) đặt mua 01 cây Heroine, 02 túi hồng phiến và nói nếu mua được nhiều thì T sẽ mua hết. H đồng ý, bảo khi nào mua được sẽ gửi về cho T và báo giá 4.500.000đ/01 túi hồng phiến, 22.000.000đ/01 cây Heroin. Sau khi nhận ma túy sẽ thanh toán như các lần mua bán ma túy các bị cáo đã thực hiện trước đó. Thỏa thuận xong, H gọi điện thoại cho Thào A T1 đặt mua 03 cây Heroine và 05 túi hồng phiến. T1 đồng ý và báo giá bán 16.000.000đ/01 cây Heroine và 3.200.000đ/01 túi hồng phiến. Sau đó, T1 gọi điện thoại cho người đàn ông dân

tộc Mông đã nhiều lần bán ma túy cho T1 (*T1 không biết tên và địa chỉ của người này*) đặt mua 03 cây Heroine với giá 15.000.000đ/01 cây và 05 túi hồng phiến với giá 2.000.000đ/01 túi.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, H đi xe máy đến nhà T1 để lấy ma túy đã đặt. Sau khi mua được ma túy, H cho vào hộp catton màu đỏ dán băng dính lại bên ngoài hộp ghi: “*Người gửi: Trần D: 0941009262; Tuyến xe Lai Châu - T5 - M; Đ/c: Bản P1, xã H3, huyện M, SL (Sơn La); người nhận: Nguyễn Trung H6: 0941203587*” là số điện thoại của H để gửi về M, Sơn La. Do xe khách tuyến M4 - T5 - M ngày 17/4/2021 đã đi qua nên H gửi hộp ma túy lại nhà T1.

Đến 16 giờ ngày 18/4/2021, H quay lại nhà T1 mang hộp catton đựng ma túy ra khu vực cầu Nậm Nghe, thuộc bản P, xã H2, huyện N1, tỉnh Lai Châu gửi xe khách tuyến M4 - T5 - M. Sau khi gửi ma túy lên xe, H gọi điện thoại thông báo cho T biết đã gửi ma túy về, hôm sau sẽ đến nơi, đồng thời H gọi điện thoại cho Tòng Thị H4 (*vợ H*) nói có bưu phẩm gửi xe khách về, nhờ H4 ra nhận từ xe khách giúp, sau đó sẽ có người đến lấy.

Khoảng 14 giờ ngày 19/4/2021, khi H4 đang ở nhà thì H gọi điện thoại báo H4 đón xe khách tuyến T5, Lai Châu về M, Sơn La lấy đồ của H gửi về cho một người có tên Trung H6. Khoảng 16 giờ cùng ngày, H4 ra đón xe khách và lấy hộp đồ bìa catton màu đỏ do H gửi về thì bị Tổ công tác công an huyện M phát hiện bắt quả tang.

Căn cứ kết quả điều tra ban đầu, ngày 20/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã ra quyết định trả tự do cho Tòng Thị H4 và ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Quảng Văn H vào ngày 20/4/2021, Quảng Văn T vào ngày 21/4/2021.

Ngày 04/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Thào A T1 nhưng Thào A T1 không có mặt tại địa phương. Ngày 26/8/2021, Thào A T1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu bắt, khởi tố, tạm giam về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tại bản án số 04/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Lai Châu xử phạt Thào A T1 01 (*một*) năm tù về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Quảng Văn H, Quảng Văn T và Thào A T1 còn khai nhận trước đó đã 03 lần mua bán trái phép ma túy, cụ thể:

Lần 1: Khoảng cuối tháng 3/2021, Quảng Văn H đang làm thuê tại xã H2, huyện N1, tỉnh Lai Châu thì Quảng Văn T gọi điện thoại cho H đặt mua 01 túi hồng phiến (*200 viên*) và 01 cây Heroine với tổng số tiền 26.500.000đ, thống nhất khi nào H mua được ma túy thì gửi xe khách về M, Sơn La, T sẽ ra lấy rồi trả tiền cho H bằng cách chuyển tiền qua tài khoản, H đồng ý. Sau đó, H đến nhà Thào A T1 hỏi mua nợ 01 túi hồng phiến và 01 cây Heroine với tổng số tiền 21.500.000đ. T1 gọi điện cho người đàn ông dân tộc Mông nhà ở huyện M5, tỉnh Điện Biên (*T1 quen từ trước nhưng không biết tên*) mua nợ 01 cây Heroine

với giá 15.000.000đ, 01 túi hồng phiến với giá 2.000.000đ và hẹn gặp nhau ở khu vực giáp ranh giữa bản P, xã H2, huyện N1 với bản P2, xã B, huyện M4, tỉnh Lai Châu để giao nhận ma túy. Sau khi mua được ma túy, T1 mang về giao cho H. H nhận gói ma túy đã đặt mua rồi cho vào hộp bìa catton dán kín, ghi số điện thoại của H là người nhận ở thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La, sau đó gửi xe khách về M. Khi xe khách đến thị trấn I, huyện M đã gọi điện cho H ra lấy đồ, H gọi điện cho T ra đón xe khách để nhận đồ (*ma túy*) do H gửi. Sau khi lấy được ma túy, T chia thành các gói nhỏ để bán lẻ cho các đối tượng nghiện trên địa bàn thị trấn I, huyện M với giá 01 gói Heroine từ 100.000đ đến 200.000đ, hồng phiến giá từ 50.000đ đến 70.000đ/01 viên. Số tiền bán ma túy T chuyển trả cho H qua tài khoản như đã thống nhất, phần còn lại T sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Lần 2: Khoảng đầu tháng 4/2021, T gọi điện thoại cho H đặt mua 01 túi hồng phiến (*200 viên*) và 01 cây Heroine với tổng số tiền 26.500.000đ. H đồng ý và gọi điện thoại cho T1 để mua số lượng ma túy như T đặt với giá 21.500.000đ. T1 gọi điện thoại cho người đàn ông dân tộc Mông (*T1 đã mua ma túy lần trước*) hỏi mua số lượng ma túy như H đặt và hẹn gặp nhau tại địa điểm đã giao ma túy lần trước. Khi T1 và người đàn ông dân tộc Mông gặp nhau, T1 đã trả số tiền mua ma túy nợ lần trước và lấy số ma túy đặt mua lần hai mang về nhà cất giấu. Ngày hôm sau, H đến lấy số ma túy đặt mua của T1 và trả số tiền mua ma túy nợ lần một cho T1. Sau khi mua được ma túy, H gửi xe khách về bản M2, xã H3, huyện M rồi đi xe máy theo sau và trực tiếp nhận gói ma túy mang về để ở bờ rào nhà H rồi gọi điện thông báo cho T ra lấy. Sau khi lấy được ma túy, T chia nhỏ để bán lẻ cho các đối tượng nghiện trên địa bàn thị trấn I, huyện M. Số tiền bán ma túy T chuyển trả cho H qua tài khoản như thống nhất, phần còn lại T sử dụng để chi tiêu cá nhân.

Lần 3: Khoảng ngày 10/4/2021 (*trước ngày bị bắt một tuần*), T gọi điện thoại cho H đặt mua 01 cây Heroine và 01 túi hồng phiến (*200 viên*) với giá như trước. H đồng ý và gọi điện thoại cho T1 đặt mua số ma túy nêu trên. Do thấy H đã nhiều lần đặt mua ma túy nên T1 giảm giá còn 3.200.000đ/01 túi hồng phiến, còn Heroine T1 lấy giá như lần đầu. Khi nhận ma túy, H trả số tiền mua ma túy nợ lần hai cho T1. Sau đó, H gói ma túy và tiếp tục gửi xe khách về M như hai lần trước. Khi xe khách về đến bản M2, xã H3, huyện M, H gọi điện thoại cho vợ là Tòng Thị H4 nhờ nhận bưu phẩm do H gửi và dặn sau khi nhận được bưu phẩm thì để ở cột cổng nhà, sẽ có người đến lấy. H4 nhận đồ xong gọi điện thoại thông báo cho H biết đã nhận được gói đồ và để ở cột cổng nhà, H gọi điện thoại cho T ra lấy ma túy. Sau khi lấy được ma túy, T mang đi bán lẻ cho các đối tượng nghiện trên địa bàn thị trấn I, huyện M. Số tiền bán được ma túy, T chuyển khoản cho H qua tài khoản như đã thống nhất, số còn lại sử dụng chi tiêu cá nhân. Khi T bị bắt giữ, số ma túy mua bán lần 3 còn lại là 8,05 gam Heroine.

Đối với 03 lần mua bán ma túy nêu trên, có căn cứ xác định số lượng ma túy mua bán của từng lần là 01 cây Heroine và 01 túi hồng phiến. Tuy nhiên, do không thu giữ được toàn bộ vật chứng (*chỉ thu giữ được 8,05 gam Heroine khi thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Quảng Văn T*) nên tính theo hướng có lợi cho các bị cáo là lấy gói (túi) ma túy có khối lượng thấp

nhất trong số ma túy bị phát hiện bắt quả tang ngày 19/4/2021 làm cơ sở xác định số lượng ma túy các bị cáo đã mua bán, cụ thể: Gói Heroine có khối lượng thấp nhất là 36,95 gam x 3 gói = 110,85 gam; túi Methamphetamine có khối lượng thấp nhất là 18,97 gam x 3 túi = 56,91 gam.

Tổng khối lượng ma túy Quảng Văn T, Quảng Văn H, Thào A T1 đã mua bán trái phép là 374,5 gam gồm: 222,2 gam Methamphetamine (= 111,35 gam bắt quả tang + 110,85 gam các lần 1, 2 và 3); 152,3 gam Heroine (= 95,39 gam bắt quả tang + 56,91 gam các lần 1, 2 và 3).

Về nguồn gốc số ma túy các bị cáo mua bán trái phép, Thào A T1 khai nhận mua của một người đàn ông dân tộc Mông T1 không biết tên và địa chỉ cụ thể, chỉ biết người này ở huyện M5, tỉnh Điện Biên. Ngoài lời khai của T1 thì không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra mở rộng vụ án.

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 54/CTr-VKS-P1 ngày 26/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn H, Thào A T1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

*** *Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn H, Thào A T1 thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và không khai báo gì thêm.

Chị Tòng Thị H4 xác định không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị tài sản là chiếc xe máy và chiếc điện thoại Cơ quan điều tra đã thu giữ trong quá trình bắt giữ đối với chị.

*** *Tranh luận tại phiên tòa:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự

Tuyên bố các bị cáo Thào A T1, Quảng Văn T, Quảng Văn H, phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

1.1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Thào A T1 tù Chung thân.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù tại bản án số 04/2021/HSST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Lai Châu, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là tù Chung thân.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

1.2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g

khoản 1 điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quảng Văn T tù Chung thân.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

1.3. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quảng Văn H 20 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy đã thu giữ còn lại sau giám định.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Quảng Văn H, Quảng Văn T là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho chị Tòng Thị H4 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung kèm sim và 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 26L1-107.65 mang tên Tòng Thị H4.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; đối với bị cáo Thảo A T1 là người dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Thảo A T1.

Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn T nhất trí cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội do nhận thức, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, không lường trước được hậu quả của hành vi phạm tội; bị cáo tuổi đời còn trẻ. Sau khi bị bắt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Thảo A T1 nhất trí cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú 03 lần phạm tội trước đó; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sự quy định tại các điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo mức hình phạt 20 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn H nhất trí với cáo trạng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Luật sư nhất trí với luận tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Về mức hình phạt áp dụng, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật

Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là 18 năm tù. Đối với việc xử lý vật chứng, tài sản, Luật sư nhất trí như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

Các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn H, Thào A T1 nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chỉ Tòng Thị H4 không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên cho rằng về cơ bản người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với luận tội và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Thào A T1 đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không có căn cứ do đến thời điểm bị cáo bị bắt thì các hành vi phạm tội đã được làm rõ. Về mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Thào A T1 là phù hợp với nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với bị cáo Quảng Văn H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có cơ sở để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Các bị cáo, người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận thêm về vấn đề gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo

Trong thời gian từ tháng 3/2021 đến ngày 19/4/2021, các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn H, Thào A T1 đã 04 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép 374,5 gam ma túy gồm: 222,2 gam Methamphetamine và 152,3 gam Heroine, mục đích để bán kiếm lời.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Tổ công tác Công an huyện M, tỉnh Sơn La lập hồi 16 giờ 10 phút ngày 19/4/2021 tại bản M2, xã H3, huyện M,

tỉnh Sơn La đối với Tòng Thị H4 cùng vật chứng thu giữ là 01 hộp hình chữ nhật màu đỏ, bên trong có 05 túi nilon màu xanh chứa các viên nén màu hồng nghi là hồng phiến và 03 gói nilon màu xanh bên trong mỗi gói có chứa cục bột màu trắng nghi là Heroine.

- Biên bản mở niêm phong cân tịnh vật chứng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng lập hồi 08 giờ ngày 20/4/2021 tại Công an huyện M đối với số vật chứng thu giữ khi bắt giữ Tòng Thị H4 xác định: Bên trong 05 túi nilon màu xanh có chứa 920 viên nén màu hồng, tổng khối lượng 95,39 gam; bên trong 03 gói nilon màu xanh có chứa 03 cục bột màu trắng, tổng khối lượng 111,89 gam.

- Kết luận giám định số 848 ngày 23/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 95,39 gam; Loại Methamphetamine và 111,35 gam; Loại Heroine*”.

- Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp lập hồi 08 giờ ngày 21/4/2021 tại thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La đối với Quảng Văn T cùng vật chứng thu giữ là 01 túi nilon màu xanh, bên trong có chứa 02 gói nilon, bên trong mỗi gói có chứa cục bột màu trắng nghi là Heroine.

- Biên bản mở niêm phong cân tịnh vật chứng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng lập hồi 14 giờ ngày 21/4/2021 tại Công an huyện M đối với số vật chứng thu giữ khi bắt giữ Quảng Văn T xác định: Bên trong 02 gói nilon có chứa 02 cục bột màu trắng, tổng khối lượng 8,05 gam.

- Kết luận giám định số 849 ngày 23/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 8,05 gam; Loại Heroine*”.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn H, Thào A T1 tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của Tòng Thị H4 về các lần giúp H nhận đồ (ma túy) do H gửi xe khách tuyến T5, Lai Châu về M, Sơn La để T đến nhận; phù hợp với số vật chứng là ma túy thu giữ trong quá trình bắt giữ Tòng Thị H4 và Quảng Văn T; phù hợp với sao kê các giao dịch chuyển, nhận tiền qua tài khoản ngân hàng giữa Quảng Văn T và Quảng Văn H; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

Với các căn cứ chứng minh trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn H, Thào A T1 đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt

Các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn H, Thào A T1 đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán chất ma túy để kiếm lời là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép 374,5 gam ma túy gồm: 222,2 gam Methamphetamine và 152,3 gam Heroine, đã

vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*có 02 chất ma túy trở lên...*” quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo

Hành vi phạm tội của các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn H, Thào A T1 thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế và tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về nhân thân: Ngày 20/8/2013, bị cáo Thào A T1 bị Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Lai Châu xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 21/9/2014 nên đã được xóa án tích. Đối với hình phạt 01 năm tù về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm tại bản án số 04/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Lai Châu (*thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2021*), mặc dù bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt nhưng hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo thực hiện vào tháng 5/2021, sau khi đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn H nên đây là tình tiết về nhân thân, cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn H, Thào A T1 04 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn H có nhiều lời khai giúp Cơ quan điều tra nhanh chóng làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo Thào A T1 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Quàng Văn H còn tự thú 03 lần mua bán trái phép chất ma túy đã thực hiện trước đó nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Quàng Văn H có ông nội, bà nội là người có công với nước; bị cáo Thào A T1 là người dân tộc thiểu số, sống ở xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án

Trong các lần mua bán ma túy, Quảng Văn T là người chủ động gọi điện thoại cho Quảng Văn H đặt mua ma túy để về bán lẻ kiếm lời. Quảng Văn H sau khi tiếp nhận ý chí của T đã liên hệ với Thảo A T1 để mua ma túy về bán cho T; còn Thảo A T1 sau khi tiếp nhận ý chí của H đã đi mua ma túy về để bán cho H nên xác định các bị cáo thực hiện hành vi độc lập với nhau, trong đó bị cáo T là người mua ma túy, bị cáo T1 là người bán ma túy, còn bị cáo H là người trung gian việc mua bán ma túy giữa T và T1, mục đích để hưởng tiền chênh lệch giá mua bán ma túy. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo mới bảo đảm biện pháp trừng trị, cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét, bị cáo Quảng Văn H phạm tội thuộc trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên mở lượng khoan hồng, chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho bị cáo và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên tòa, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng bảo đảm biện pháp cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Thảo A T1, do bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt 01 năm tù tại bản án số 04/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Lai Châu nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

[7] Về hình phạt bổ sung

Ngoài hình phạt chính, các bị cáo có thể còn bị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự nhưng xét các bị cáo không có điều kiện thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[8] Về các đối tượng có liên quan

Đối với Tòng Thị H4 (*vợ bị cáo Quảng Văn H*) là người 02 lần nhận hộp đồ có chứa ma túy do Quảng Văn H gửi theo tuyến xe khách T5, Lai Châu về M để Quảng Văn T đến nhận: Kết quả điều tra xác định H4 không biết bên trong hộp đồ có chứa ma túy; không biết và không được trao đổi, bàn bạc về việc mua bán ma túy với các bị cáo trong vụ án nên Cơ quan điều tra ra quyết định trả tự do đối với Tòng Thị H4 vào ngày 20/4/2021 là có căn cứ.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông nhà ở huyện M5, tỉnh Điện Biên Thảo A T1 khai là người đã bán ma túy cho T1 để bán cho Quảng Văn H: Quá trình điều tra không thu giữ được điện thoại của T1; T1 khai không biết tên, địa chỉ cụ thể và số điện thoại của ngày này. Ngoài lời khai của T1 thì không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra xác định không có căn cứ xác minh, điều tra mở rộng vụ án là có cơ sở.

Đối với người đàn ông dân tộc Thái tên V nhà ở bản N3 (*nay là bản P3*),

xã P3, huyện M, tỉnh Sơn La Quảng Văn T khai là người đặt mua ma túy của T: Kết quả điều tra xác định T không biết thông tin gì về V, không có số điện thoại của V, chưa được đến nhà V, chỉ biết V có tên gọi khác là K H7. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa chỉ nêu trên không có người nào tên V, chỉ có đối tượng tên Vi Văn H7 có nhiều đặc điểm phù hợp với lời khai của T. Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu, lấy ảnh của đối tượng tại Phòng PC06 Công an tỉnh Sơn La nhưng không có dữ liệu; tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng H7 không có mặt tại địa phương. Ngoài lời khai của T thì không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra xác định không có căn cứ xác minh, điều tra mở rộng vụ án là có cơ sở.

Đối với các đối tượng đã mua ma túy của Quảng Văn T: Kết quả điều tra xác định T không biết họ tên, số điện thoại và địa chỉ cụ thể của các đối tượng này nên Cơ quan điều tra xác định không có căn cứ để xác minh, xử lý là có cơ sở.

Đối với những người đứng tên chuyển tiền vào tài khoản của Quảng Văn T, sau đó T chuyển tiền vào tài khoản của Quảng Văn H để mua ma túy gồm: Nguyễn Thị H6, Tạ Văn T6, Nguyễn Văn L2, Lò Văn T7. Kết quả điều tra xác định T đã đưa tiền mặt cho những người này để chuyển vào tài khoản của H; những người này không biết hành vi mua bán trái phép chất ma túy của T và H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

[9] Về vật chứng

- Đối với 100,85 gam ma túy, loại Methamphetamine + 109,89 gam ma túy, loại Heroine còn lại sau khi lấy mẫu trung cầu giám định chất ma túy cùng vỏ gói niêm phong ban đầu: Xét đây là loại hàng Nhà nước cấm lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của Quảng Văn H; 02 chiếc điện thoại di động thu giữ của Quảng Văn T: Kết quả điều tra xác định đây là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi việc mua bán ma túy nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại xe BLADE biển kiểm soát 26L1-107.65 và 01 chiếc điện thoại di động thu giữ trong quá trình bắt giữ Tòng Thị H4: Kết quả điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Tòng Thị H4; chị H4 không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên chị H4 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại những tài sản nêu trên là có căn cứ, cần chấp nhận.

[10] Về án phí

Các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định chung.

Bị cáo Thào A T1 là người dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 nên đủ điều kiện được miễn

án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

Căn cứ Điều 251 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố các bị cáo Quảng Văn T, Quảng Văn H, Thào A T1 phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt

2.1. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quảng Văn T tù Chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2021.

2.2. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Thào A T1 tù Chung thân và tổng hợp hình phạt 01 (*một*) năm tù tại bản án số 04/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện N1, tỉnh Lai Châu, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là tù Chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2021.

2.3. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quảng Văn H 18 (*mười tám*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/4/2021.

2.4. Không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo Quảng Văn T, Thào A T1, Quảng Văn H.

3. Về vật chứng

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 92,8 gam ma túy, loại Methamphetamine đựng trong 05 túi nilon màu xanh + 109,89 gam ma túy, loại Heroine đựng trong 03 túi nilon màu trắng + các mảnh nilon, túi nilon, giấy niêm phong ban đầu và vỏ niêm phong ngày 20/4/2021 được niêm phong trong một hộp vật chứng còn nguyên niêm phong.

- 7,77 gam ma túy, loại Heroine + 01 phong bì niêm phong ban đầu + 01 túi nilon màu xanh + 03 mảnh nilon màu hồng + 02 mảnh nilon màu trắng được niêm phong trong một chiếc phong bì do Công an huyện M phát hành còn nguyên niêm phong.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (*một*) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO RENO2F màu trắng, màn hình cảm ứng, số imei 1 869563044304357, imei 2 869563044304340, kèm 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng (*thu giữ của Quảng Văn H*).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, điện thoại bàn phím, vỏ bên ngoài trong suốt, phần bàn phím màu trắng, số seri 352858053580945, kèm 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng (*thu giữ của Quàng Văn T*).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A8 màu xanh, trắng, điện thoại cảm ứng, số imei 1 860924056154834, imei 2 860924056154826, kèm 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng (*thu giữ của Quàng Văn T*).

3.3. Trả lại cho chị Tòng Thị H4:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại xe BLADE màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 26L1-107.65, số khung RLHJA364KY045161, số máy JA36E0825835, xe có 02 gương chiếu hậu, 01 chìa khóa xe, đã qua sử dụng.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A32 màu tím nhạt, màn hình cảm ứng, số imei 1 356835252595235, imei 2 358934992595239, kèm 01 sim trong điện thoại, đã qua sử dụng.

4. Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Quàng Văn T, Quàng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Thào A T1.

5. Về quyền kháng cáo

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 29/7/2022*).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng PC04 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Sơn La;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền